

Số: /BC-SVHTTDL

Sóc Trăng, ngày tháng 8 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thực hiện cải cách hành chính quý III năm 2019**

#### **I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC**

##### **1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch UBND tỉnh**

Các nhiệm vụ cải cách hành chính được giao theo kế hoạch của UBND tỉnh, Sở đã được triển khai phối với thực hiện và báo cáo đúng tiến độ theo yêu cầu. Việc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật được ban hành kịp thời; công tác sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo theo chỉ tiêu biên chế được giao, đồng thời cơ cấu lại tổ chức bộ máy và đội ngũ công chức, viên chức thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo đúng tiến độ quy định. Kết quả đến nay, tình hình triển khai, thực hiện các kế hoạch đạt 85%.

##### **2. Tình hình tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo điều hành CCHC liên quan đến ngành triển khai trên địa bàn tỉnh**

Thực hiện Kế hoạch số 21/KH-UBND, ngày 31/01/2019 về tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2019. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phối hợp với Sở Nội vụ ban hành Kế hoạch số 1176/KH-BTC, ngày 30/7/2019 tổ chức “Hội thi sáng tác thơ ca, các bài hát (ca nhạc, cổ nhạc), tiểu phẩm cổ động về cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2019”, tiến độ thực hiện kế hoạch đang trong quá trình triển khai thực hiện, dự kiến thời gian công bố kết quả trao giải thưởng vào ngày 25/12/2019.

##### **3. Kết quả quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính**

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở.

- Xây dựng văn bản lấy ý kiến đóng góp các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết cấp huyện và cấp xã.

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết cấp huyện và cấp xã.

- Thành lập Đoàn kiểm tra cải cách hành chính tại các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc Sở.

##### **4. Giải pháp, cách làm hay trong thực hiện CCHC**

Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính về cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích và cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích.

## **II. Kết quả đạt được**

### **1. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL**

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định định mức hoạt động của Đội Tuyên truyền lưu động tỉnh và mức chi của Đội Nghệ thuật quần chúng tỉnh và cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao, tỉnh Sóc Trăng.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 63/2016/NQ-HĐND ngày 26/7/2016 và Nghị quyết số 11/1999/NQ.HĐNDT.5 ngày 10/9/1999 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Tổ chức triển khai thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và các văn bản hướng dẫn thi hành cho công chức Phòng VH TT, công chức VHXH cấp xã và triển khai tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân thông qua hoạt động tập huấn và các hình thức tuyên truyền khác. Nhìn chung, Luật PCBLGD đã được đông đảo người dân biết và thực hiện, góp phần làm giảm tình trạng bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua.

Ngoài ra, Sở đã tuyên truyền các văn bản về xây dựng các danh hiệu văn hóa như gia đình văn hóa, ấp văn hóa, xã văn hóa nông thôn mới, phường, thị trấn văn minh đô thị, cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa như: Nghị định 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”; Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước; Thông tư 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ VHTTDL quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 09/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ thực hiện cuộc vận động *"Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"*; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án xây dựng Trung tâm Văn hóa Thể thao cấp xã.

### **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC) và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

Trong quý III, Sở đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ và công bố TTHC mới ban hành được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thể dục thể thao (bãi bỏ 34 TTHC, công bố 32 TTHC), Quyết định công bố TTHC mới ban hành được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực du lịch (công bố mới 01 TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL; phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cấp huyện và cấp xã áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Hiện nay tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở VHTTDL tổng cộng 118 thủ tục trên 04 lĩnh vực như sau:

- + Lĩnh vực Văn hóa: 48 thủ tục;
- + Lĩnh vực Thể thao: 32 thủ tục;
- + Lĩnh vực Du lịch: 26 thủ tục;
- + Lĩnh vực gia đình: 12 thủ tục.

Đã thực hiện đầy đủ việc niêm yết công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, cũng như các mẫu đơn, tờ khai, mức thu lệ phí.

Bộ phận tiếp nhận và xử lý hồ sơ đã tiếp nhận 162 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 160, với tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt 100%. (02 hồ sơ đang giải quyết, không có hồ sơ trễ hẹn).

Ngoài ra, Sở đã cập nhật 100% quy trình nội bộ theo Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên một cửa điện tử và thường xuyên nhắc nhở các phòng chuyên môn xử lý hồ sơ theo dõi, cập nhật trên hệ thống phần mềm một cửa.

### **3. Cải cách bộ máy hành chính nhà nước**

- Sắp xếp tổ chức và ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế:

Thường xuyên rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, đơn vị trực thuộc theo quy định tại Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Triển khai thực hiện Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng (trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Văn hóa Triển lãm Hồ Nước Ngọt và Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao).

Sở đã ban hành Quyết định số 334/QĐ-SVHTTDL ngày 24/7/2019 quy định Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh.

- Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo đúng quy định và sử dụng biên chế, số lượng người làm việc được giao:

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gồm 08 phòng chuyên môn và 07 đơn vị trực thuộc, với cơ cấu, số lượng lãnh đạo gồm: Ban Giám đốc Sở 04 người; Trưởng phòng và tương đương: 15 người; Phó Trưởng phòng và tương đương: 18 người.

+ Về sử dụng biên chế và số lượng người làm việc:

Chỉ tiêu biên chế và hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được giao năm 2019: biên chế công chức 42; biên chế sự nghiệp 178; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP 37.

Biên chế thực hiện đến 15/8/2019: biên chế công chức 41; biên chế sự nghiệp 136; hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 26.

### **4. Thực hiện việc phân cấp quản lý**

Sở đã ban hành Kế hoạch số 1240/KH-SVHTTDL, ngày 09/8/2019 về “Kiểm tra di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2019” theo tinh thần Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND, ngày 10/2/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng dự kiến thực hiện kiểm tra theo

kế hoạch đối với một số di tích cấp tỉnh, và di tích cấp quốc gia trong tháng 9 và tháng 10/2019.

### **5. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức**

- Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng:

Trong quý III, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã cử 53 lượt CCVC dự các lớp đào tạo bồi dưỡng gồm:

+ Trung cấp lý luận chính trị: 03

+ Bồi dưỡng QLNN theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo quản lý cấp phòng: 12

+ Kỹ năng, nghiệp vụ tối thiểu hàng năm: 17

+ Bồi dưỡng ngạch kế toán viên: 01

+ Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp HLV: 08

+ Tập huấn nghiệp vụ công tác pháp chế và quán triệt các văn bản QPPL mới ban hành trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, TDTT và du lịch; giám định viên tư pháp trong lĩnh vực văn hóa: 05

+ Tập huấn “Kỹ năng tổ chức các hoạt động và triển khai mô hình phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng”: 04

+ Tập huấn “Nhân rộng các mô hình phục vụ học tập suốt đời hiệu quả trong thư viện”: 03.

- Tình hình thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của TTCP về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ:

Thường xuyên quan tâm, chỉ đạo thủ trưởng các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chấp hành thực hiện nghiêm Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh và Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đổi mới công tác quản lý, sử dụng biên chế, lao động:

Xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp công lập của Sở VH-TTDL năm 2019; thực hiện quyết định điều động 01 công chức Sở Thông tin và Truyền thông về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Quyết định điều động bổ nhiệm công chức 01 trường hợp; bổ nhiệm lại chức vụ lãnh đạo quản lý đối với viên chức 06 trường hợp và quyết định bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Trung tâm Văn hóa Thể thao tỉnh.

Quyết định cho nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP: 01 trường hợp.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá phân loại:

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 224/QĐ-SVHTTDL ngày 04/6/2019 quy định tiêu chí đánh giá phân loại công chức thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

### **6. Cải cách tài chính công**

- Kết quả thực hiện cơ chế tài chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế

và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 130/2005/NĐ-CP:

Đơn vị thực hiện khoán theo biên chế và kinh phí quản lý hành chính đã được giao từ đầu năm, tổ chức sắp xếp bộ máy, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả công việc, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia giám sát quá trình thực hiện cơ chế khoán, thúc đẩy sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả. Trên cơ sở đó thực hiện nghiêm túc khoán chi hành chính và các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; việc chi tiêu, sử dụng kinh phí được cấp đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của Sở. Trong năm 2019 đã thực hành tiết kiệm các khoản như văn phòng phẩm, điện nước, chi tiếp khách, nhiên liệu, mua sắm, sửa chữa tài sản, ... Kinh phí tiết kiệm được đơn vị thực hiện chi hỗ trợ trang phục, đồng phục, các ngày lễ, kỷ niệm...

- Về thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

Sở đã chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp xây dựng kế hoạch hoạt động, dự toán kinh phí hoạt động cho đơn vị theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

+ Số lượng, tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính: 07/07 (100%).

+ Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 02 (Trung tâm Văn hóa Thể thao tỉnh và Đoàn Nghệ thuật Khmer tỉnh) chiếm tỷ lệ 28.6%.

- Thực hiện phân phối thu nhập tiết kiệm, hiệu quả dựa trên cơ sở phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ: Tính đến thời điểm báo cáo chưa có đơn vị chi tăng thu nhập mà chờ đến kết sổ cuối năm.

Ngoài ra, Sở đã triển khai đến tất cả cán bộ, công chức các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc thực hiện Thông tư 40/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính và Chỉ thị số 13/CT-UBND, ngày 20/8/2019 về việc quản lý, sử dụng xe ô tô công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

## **7. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước**

### **7.1 Tình hình ứng dụng CNTT**

Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn, trong giải quyết thủ tục hành chính. Sở đã được nâng cấp cổng thông tin điện tử và thực hiện đăng tải, cung cấp thông tin đúng quy định theo Nghị định 43. Lãnh đạo Sở VH TT & DL luôn quan tâm chỉ đạo cập nhật thông tin kịp thời và chính xác, số lượng tin tức, bài viết đa dạng, phong phú.

Tiếp tục thực hiện chỉ thị số 34/2008/CT-TTg ngày 3/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo về tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước; thực hiện Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND, ngày 14/7/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định trao đổi, lưu trữ xử lý văn bản điện tử trong hoạt động cơ quan Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay, CBCC từng bước trao đổi công việc qua thư điện tử và ứng dụng chữ ký số nhằm giảm thiểu giấy tờ, xử lý thông tin kịp thời, thời gian giải quyết được rút ngắn. Kết quả thực hiện trong quý III (từ ngày 26/05/2019 - 25/8/2019) tổng số

văn bản đi 553, phát hành giấy 17, phát hành điện tử 536 đạt 97%. (đính kèm biểu số 10B)

## 7.2 Áp dụng ISO trong hoạt động

Tiếp tục vận hành tốt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan nhà nước tại đơn vị.

Với Chính sách chất lượng “Công khai, minh bạch, đúng pháp luật” và Mục tiêu chất lượng của Sở với các Quy trình đáp ứng yêu cầu của TCVN ISO 9001:2015; đồng thời phối hợp với Trung tâm hành chính công trung cầu ý kiến khách hàng bằng các phiếu thăm dò nhận xét, đánh giá về chất lượng cung cấp các dịch vụ hành chính, cũng như thái độ phục vụ của CBCC trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cá nhân, tổ chức khi đến liên hệ công việc.

## 8. Kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC

### a. Báo cáo thông tin

Số TT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách cải cách hành chính	Trần Minh Lý	Giám đốc Sở	minhlystv@gmail.com 0919262969
2	Công chức phụ trách tham mưu cải cách hành chính	Trần Thị Mỹ Tuyên	Phó Chánh Văn phòng Sở	ttmtuyen@soctrang.gov.vn 0984643646
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Trần Thị Mỹ Tuyên	Phó Chánh Văn phòng Sở	ttmtuyen@soctrang.gov.vn 0984643646
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa	Lâm Dạ Hương	Chuyên viên	ldhuong@soctrang.gov.vn 0982860624

**b. Đính kèm các biểu mẫu:** 1B, 2B, 3B, 4B, 5B, 6B, 7B, 8B, 9B, 10B, 11B, 13B, 14.

## III. Đánh giá, khó khăn, vướng mắc

### 1. Đánh giá

Công tác cải cách hành chính luôn được lãnh đạo quan tâm và thường xuyên chỉ đạo tập trung thực hiện. Các kế hoạch về cải cách được xây dựng và ban hành đúng theo quy định, với mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, đầy đủ, phân công rõ ràng và triển khai kịp thời đến các phòng ban, các đơn vị trực thuộc.

Chỉ đạo tăng cường thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử giữa Sở và các đơn vị sự nghiệp, phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện tốt công tác rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên trang điện tử, một cửa điện tử và tại Trung tâm phục vụ hành chính công.

Thực hiện tốt công tác cải cách tổ chức bộ máy, bồi dưỡng đào tạo được thực hiện theo đúng quy trình thủ tục, thể hiện tính dân chủ và công khai tạo được sự đồng tình ủng hộ của toàn thể cán bộ công chức.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai áp dụng hệ thống quản lý theo TCVN ISO 9001:2015 đang được triển khai tốt, từng bước phát huy hiệu quả giảm thiểu được thời gian, giấy tờ trong xử lý công việc.

## **2. Khó khăn, vướng mắc**

Đối với việc thực hiện quy định về công bố dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3,4, Sở còn gặp khó khăn, do các tổ chức và cá nhân chưa đăng ký trực tuyến qua môi trường mạng.

## **IV. Kiến nghị, đề xuất**

Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường hỗ trợ tuyên truyền và hướng dẫn thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

## **V. Phương hướng công tác CCHC quý IV năm 2019**

1. Tiếp tục thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu cải cách hành chính năm 2019 và tiến hành kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc Sở theo kế hoạch.

2. Phối hợp lập danh mục TTHC để xây dựng bộ hồ sơ mẫu, video hướng dẫn và công khai tại Trung tâm phục vụ hành chính công. Chấm điểm đánh giá việc giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý và tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thực tiễn.

4. Tổ chức Hội nghị triển khai các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương lĩnh vực văn hóa, thể thao du lịch ban hành trong năm 2018-2019; Tổ chức Hội nghị hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch.

5. Tham mưu thực hiện công tác sáp nhập tổ chức theo Đề án tổng thể số 08-ĐA/TU ngày 24/8/2018 của Tỉnh ủy Sóc Trăng. Thực hiện tinh giản biên chế đợt 2/2019.

6. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện đánh giá, phân loại công chức thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2019.

7. Niêm yết công khai thủ tục hành chính, hướng dẫn tổ chức, cá nhân tham gia thủ tục hành chính. Tiếp tục cập nhật và đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của ngành đối với các văn bản QPPL được ban hành.

8. Tổ chức Hội thi sáng tác thơ ca, các bài hát (ca nhạc, cổ nhạc), tiểu phẩm cổ động về cải cách hành chính tỉnh Sóc Trăng năm 2019. Thực hiện viết tin, bài tuyên truyền về cải cách hành chính.

9. Chỉ đạo thực hiện tốt Quy định về chi tiêu nội bộ, kiểm kê và quản lý tài sản công theo quy định; thực hiện phương án tự chủ về tài chính đối với các đơn vị trực thuộc.

10. Tăng cường ứng dụng xử lý văn bản điện tử và chữ ký số trong hoạt động của cơ quan. Vận hành tốt hệ thống tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Tổ chức đánh giá nội bộ, xem xét của lãnh đạo nhằm hoàn thiện bộ máy hoạt động. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chuyên môn, trong giải quyết thủ tục hành chính.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC**



**Biểu mẫu 1B**  
**Thống kê số liệu về công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính**  
**tại Sở VH TTDL**

STT	Nội dung thống kê <sup>1</sup>	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc			
1	Kiểm tra công tác CCHC	02	06	0		
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước					
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2015	08				
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính					
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)		13 cơ sở	06	06 (nhắc nhở và hướng dẫn thực hiện đúng các quy định của pháp luật)	
6	Kiểm tra công vụ	01		0		

<sup>1</sup> Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.

**Biểu mẫu 2B**  
**Thống kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh**

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
<b>1</b>	<b><i>Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND</i></b>	<b>01</b>	
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	01	Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao, tỉnh Sóc Trăng
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	01	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	01	
<b>2</b>	<b><i>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</i></b>	<b>0</b>	
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền	/	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	/	
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý	/	
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo	/	
<b>3</b>	<b><i>Rà soát VBQPPL</i></b>	<b>0</b>	
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	/	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	/	
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	/	
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý	/	

**Biểu mẫu 3B**  
**Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại các đơn vị, địa phương**

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	
2	Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC	118	
3	Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử <sup>2</sup>	118	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	0	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	0	

<sup>2</sup> UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

### Biểu mẫu 4B

**Thống kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của từng sở, ban ngành, đơn vị tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã**

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang <sup>3</sup>	Số TTHC liên thông dọc <sup>4</sup>	
<b>I</b>	<b>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của cơ quan tỉnh</b>	<b>118</b>				<b>118</b>				<b>Nêu quyết định công bố</b>
1	Lĩnh vực văn hóa	48				48				1302/QĐ-UBND ngày 30/5/2016, 2474/QĐ-UBND ngày 3/10/2016, 2453/QĐ-UBND ngày 26/9/2017, 2547/QĐ-UBND ngày 1/10/2018, 566/QĐ-UBND ngày 06/3/2019, 858/QĐ-UBND ngày 21/3/2019, 1022/QĐ-UBND ngày 5/4/2019, 1289/QĐ-UBND ngày 8/5/2019, 1391/QĐ-UBND ngày 20/5/2019, 1590/QĐ-UBND ngày 10/6/2019
2	Lĩnh vực gia đình	12				12				219/QĐ-UBND ngày 23/01/2018

<sup>3</sup> Liên thông giữa các cơ quan hành chính cùng cấp trong giải quyết TTHC.

<sup>4</sup> Liên thông giữa các cấp hành chính khác nhau trong giải quyết TTHC.

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang <sup>3</sup>	Số TTHC liên thông dọc <sup>4</sup>	
3	Lĩnh vực thể thao	32				32			1945/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	
4	Lĩnh vực du lịch	26				26			1204/QĐ-UBND ngày 22/5/2018, 2042/QĐ-UBND ngày 25/7/2019	
<b>II</b>	<b><i>TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp huyện</i></b>	13				13				
1	Lĩnh vực văn hóa	07				07			1911/QĐ-UBND ngày 6/8/2018, 859/QĐ-UBND ngày 21/3/2019; 2010/QĐ-UBND ngày 22/7/2019	
2	Lĩnh vực gia đình	06				06			1911/QĐ-UBND ngày 6/8/2018	
<b>III</b>	<b><i>TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của UBND cấp xã</i></b>	05				05				
1	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	03				03			860/QĐ-UBND ngày 21/3/2019, 2011/QĐ-UBND ngày	

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang <sup>3</sup>	Số TTHC liên thông dọc <sup>4</sup>	
									22/7/2019	
2	Lĩnh vực Thư viện	01				01			1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016	
3	Lĩnh vực Thể dục Thể thao	01				01			1305/QĐ-UBND ngày 30/5/2016	

## Biểu mẫu 5B

### Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp sở ngành, cấp huyện

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn <sup>5</sup>	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn <sup>6</sup>	
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(7)	(8)	(9)=(10)+(11)	(10)	(11)	(12)
<b>I</b>	<i>TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan tỉnh</i>										
	<b>Sở VH TTDL</b>	162	12	150	160	160	0	2	2	0	

<sup>5</sup> Nêu rõ tại đây tên, lĩnh vực TTHC giải quyết trễ hạn và nguyên nhân trễ hạn

**Biểu mẫu 6B**

**Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại sở ban ngành, UBND cấp huyện**

STT	Đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn		Số lượng lãnh đạo sở				Số lượng lãnh đạo phòng				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tăng giảm biên chế		Ghi chú
		Tổng số	Lý do tăng (giảm) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Lý do tăng (giảm) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại <sup>(1)</sup>		Tổng số	Lý do tăng (giảm) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại <sup>(3)</sup>		Tổng số	Lý do tăng (giảm) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giảm	
						Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn <sup>(2)</sup>			Đủ chuẩn	Thiếu chuẩn <sup>(4)</sup>					
1	Sở VHTTDL	08 Phòng 07 đơn vị sự nghịệp	Giảm 01 ĐVSN do mới sáp nhập	04				33				41	Tăng 01 do điều động	03	01	



**Biểu mẫu 7B**  
**Thông kê số liệu về CBCCVV tại từng sở ban ngành, UBND cấp huyện**

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVV hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng CBCCVV được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVV		Điều động, chuyển công tác CB CC VC	Nâng lương theo thâm quyền	
		Biên chế	HD chuyên môn		Đào tạo	Bồi dưỡng nghiệp vụ	Có KH đào tạo	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên		TX	TH
<b>I</b>	<b>Các cơ quan tỉnh</b>																
1	Sở VH TTDL	177	31 (tại đơn vị sự nghiệp)		Trung cấp chính trị 03	50	Kế hoạch số 90/KH-SVHTTDL ngày 18/01/2019	01		Kế hoạch số 872/KH-SVHTTDL ngày 10/6/2019			0	0	01	09	01

**Biểu mẫu 8B**  
**Thống kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức,  
 công vụ tại các đơn vị, địa phương**

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	01	
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	06	Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh đang xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức do mới sáp nhập.
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	0	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	

## Biểu mẫu 9B

### Thống kê số liệu về cải cách tài chính công tại Sở VH TTDL

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	01	0	
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	07	- 01	Trung tâm VH TL Hồ Nước Ngọt
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	0	- 01	Trung tâm VH TL Hồ Nước Ngọt
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	02	0	Trung tâm Văn hóa - Thể thao tỉnh và Đoàn Nghệ thuật Khmer
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	05	0	

**Biểu mẫu 10B**

**Thống kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước  
và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Sở VHTTDL**

**(Từ ngày 26/05/2019 – 25/8/2019)**

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú	
		Tổng số văn bản đi	Trong đó			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC		Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính
	Sở VHTTDL	553	17	536	553	15*	1	1	0	21	135	86	21 (trực tuyến) 28 (bưu chính)	*Giảm 01 TTHC do đã bãi bỏ tại QĐ 858/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 (Cấp giấy phép tổ chức lễ hội)

## Biểu mẫu 11B

**Thống kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) tại Sở VH-TT-DL  
(Từ ngày 26/05/2019 – 25/8/2019)**

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số hồ sơ TTHC tiếp nhận	Số hồ sơ TTHC trả kết quả	
<i>I</i>	<i>Cơ quan cấp tỉnh</i>				
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	51	28	29	

**Biểu mẫu 12**  
**Thông kê tình hình cập nhật thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử**  
**(Từ ngày 26/05/2019 – 25/8/2019)**

STT	Nội dung thống kê <sup>7</sup>	Số lượng			Ghi chú
		Tiếp nhận	Giải quyết đúng hạn	Giải quyết trễ hạn	
I	Cấp tỉnh				
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	162	160	0	02 hồ sơ đang giải quyết còn hạn

<sup>7</sup> Ghi rõ thời gian kiểm tra, thống kê trên hệ thống

**Biểu mẫu 14**  
**Thông kê tình hình tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú <sup>8</sup>
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền giải quyết <sup>9</sup>			
	Sở VH TTDL	0		0	0	0	

<sup>8</sup> Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

<sup>9</sup> Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp